

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2020/HC-PT

Ngày: 30 - 6 - 2020

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Tô Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Úc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 365/2019/TLPT-HC ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HCST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Trần Hà G, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khu phố B, phường Th, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: khu phố B, phường Th, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

**- Người bị kiện:**

1/. Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Cùng địa chỉ: phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Ngô Quang S - Phó Chủ tịch. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn H – đại diện người khởi kiện.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện bà Trần Hà G trình bày:*

Bà Trần Hà G là người sử dụng đất đối với thửa đất 325, 340 tờ bản đồ số 33 tại xã K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04032, H 04033 ngày 04/8/2008.

Ngày 04/10/2018, bà Trần Hà G được UBND phường K, thị xã T mời đến trụ sở UBND phường K để nghe “Vận động nhận tiền và bàn giao mặt bằng thực hiện công trình nâng cấp mở rộng đường ĐT747B thuộc phường K”.

Tại đây, bà Trần Hà G được đại diện UBND phường K và đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã T thông báo cho biết: Các thửa đất số 325 và 340 tờ bản đồ số 33 thuộc quyền sử dụng của bà G bị thu hồi một phần để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường ĐT747B (đoạn từ nút giao M đến điểm giao với đường TB - cổng X). Tổng diện tích đất bị thu hồi là: 145m<sup>2</sup>; mức bồi thường, hỗ trợ mà bà được nhận là: 128.905.350 đồng theo đơn giá 168.000 đồng/m<sup>2</sup>, tính luôn các khoản hỗ trợ chỉ 800.000 đồng/m<sup>2</sup>, không sát giá thị trường gây thiệt hại quyền lợi cho bà G. Tại thời điểm nay, bà G chưa biết bất kỳ thông tin gì về việc thu hồi đất nên đã yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giao các quyết định, văn bản liên quan đến vấn đề này.

Ngày 09/10/2018, tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã T, bà G được ông Tổng Minh Phát - chức vụ: Trưởng phòng bồi thường bàn giao các văn bản tài liệu và quyết định sau:

+ Biên bản kiểm kê về đất đai và các tài sản trên đất số 317/BBKK ngày 28/12/2011;

+ Bảng áp giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 88/TTPTQĐ-KT ngày 02/7/2012;

+ Quyết định thu hồi đất số 8811/QĐ-UBND ngày 27/8/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) T;

+ Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 10465/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) T.

Bà G cho rằng quyết định nêu trên được ban hành từ năm 2012 nhưng các cơ quan có thẩm quyền không bàn giao và chi tiền bồi thường cho bà G, đến nay không còn giá trị pháp lý. Mặt khác, UBND huyện (nay là thị xã) T áp giá bồi thường 168.000 đồng/m<sup>2</sup> đất là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; không sát giá thị trường, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà G khi bị Nhà nước thu hồi đất, do đó, bà G chưa nhận tiền bồi thường.

Vì các lý do nêu trên, bà Trần Hà G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân

tỉnh Bình Dương tuyên hủy quyết định hành chính sau đây:

+ Quyết định số 8811/QĐ-UBND ngày 27/8/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) T về việc thu hồi đất của bà Trần Hà G;

+ Quyết định số 10465/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện (nay thị xã) T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Hà G;

+ Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Hà G.

*Người bị kiện UBND thị xã T, Chủ tịch UBND thị xã T - ông Ngô Quang S trình bày:*

- Về cơ sở pháp lý, trình tự, thủ tục bồi thường công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao M đến điểm giao với đường TB - công X:

+ Ngày 20/9/2010, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Thông báo số 277/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án tỉnh lộ ĐT 747B, đoạn Bình Chuẩn - Hội Nghĩa.

+ Ngày 13/10/2011, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2998/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao M đến điểm giao với đường TB - công X.

+ Ngày 27/10/2011, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện (nay là thị xã) T phối hợp với UBND xã (nay là phường) K tổ chức họp công khai Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao M đến điểm giao với đường TB - công X tại xã (nay là phường) K.

+ Ngày 28/12/2011, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã (nay là phường) K kiểm kê đất và tài sản gắn liền với đất của bà Trần Hà G.

+ Ngày 03/5/2012, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Thông báo số 201/TB-UBND về việc điều chỉnh Thông báo số 277/TB-UBND ngày 20/9/2010 của UBND huyện (nay là thị xã) T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án tỉnh lộ ĐT 747B, đoạn Bình Chuẩn - Hội Nghĩa.

+ Ngày 10/5/2012 và ngày 11/5/2012, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện (nay là thị xã) T phối hợp với UBND xã (nay là phường) K tổ chức họp công khai dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao M đến điểm giao với đường TB - công X (đoạn thuộc xã K). Đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường K và các Văn phòng khu phố nơi có đất bị ảnh hưởng công trình từ ngày 11/5/2012 đến ngày 31/5/2012 (có biên bản làm việc).

+ Ngày 05/6/2012, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện (nay là thị xã) T phối hợp với UBND xã (nay là phường) K kết thúc niêm yết công khai

Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao M đến điểm giao với đường TB - cống X (đoạn thuộc phường K). Trong thời gian từ ngày 11/5/2012 đến ngày 31/5/2012.

+ Ngày 27/8/2012, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Quyết định số 8811/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 145m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 325, 340 tờ bản đồ số 33 tại xã K của bà Trần Hà G, đã được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04033 và số H04032 ngày 04/8/2008, theo trích đo địa chính do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện (nay là thị xã) T xác lập. Loại đất: CLN: 145m<sup>2</sup>.

+ Ngày 16/10/2012, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Quyết định số 10465/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Hà G, theo đó:

+ Bồi thường về đất CLN: 45m<sup>2</sup> x 168.000 đồng/m<sup>2</sup> = 24.360.000 đồng;

+ Hỗ trợ đất nắn tuyến: 26m<sup>2</sup> x 941.850 đồng/m<sup>2</sup> = 24.488.100 đồng;

+ Hỗ trợ đất NN (=50%): 119m<sup>2</sup> x 672.750 đồng/m<sup>2</sup> = 80.057.250 đồng;

=> Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 128.905.350 đồng.

Ngày 01/12/2014, Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã T mời bà Trần Hà G nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, nhưng bà Trần Hà G không đến nhận.

Ngày 18/12/2014, Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã T tiếp tục mời bà Trần Hà G nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng bà Trần Hà G không đến tham dự. Tại buổi làm việc cùng ngày, ông Trần Văn H là cha ruột của bà Trần Hà G đại diện đã nhận Quyết định số 10465/QĐ-UBND ngày 16/10/2012.

Ngày 02/02/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã T tiếp tục mời bà Trần Hà G nhận tiền và nhận quyết định bồi thường, hỗ trợ, nhưng bà Trần Hà G không đến tham dự.

Ngày 21/3/2016, UBND thị xã T ban hành Thông báo số 186/TB- UBND ngày 21/3/2016 về việc nhận tiền bồi thường và bàn giao đất thu hồi đối với bà Trần Hà G.

Ngày 24/3/2016, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã T phối hợp với UBND phường K công bố và bàn giao Thông báo trên cho bà Trần Hà G, bà G không đến tham dự nhưng ông Hai là cha ruột bà G đại diện nhận Thông báo số 186/TB-UBND.

Ngày 05/10/2018, Chủ tịch UBND thị xã T ban hành Quyết định số 5478/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Hà G.

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 46 và Điều 47 Quyết định số 87/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Bình Dương. Trong quá trình thực hiện, Chi nhánh Trung tâm triển quỹ đất thị xã T đã phối hợp với UBND phường K chức họp dân công khai Phương án bồi thường, niêm yết công khai Phương án bồi thường (có biên bản

hợp dân, biên bản công khai).

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 145m<sup>2</sup> đất bị thu hồi của bà G là đúng theo quy định. Do đó, UBND thị xã T và Chủ tịch UBND thị xã T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét, giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật đối với yêu cầu của người khởi kiện.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 79, Điều 116, Điều 134, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 40 của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Điều 41, Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 2 Điều 14, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hà G đối với yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định số 8811/QĐ-UBND ngày 27/8/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) T về việc thu hồi đất của bà Trần Hà G; Quyết định số 10465/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Hà G; Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Hà G.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/4/2019, ông Trần Văn H – đại diện người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hà G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hà G là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà

Trần Hà G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Trần Văn H làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện.

[2] Về nội dung: Bà Trần Hà G khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8811/QĐ-UBND ngày 27/8/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) T về việc thu hồi đất của bà Trần Hà G; Quyết định số 10465/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Hà G.

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 8811/QĐ-UBND về việc thu hồi đất:

Để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao M đến điểm giao với đường TB – Cổng X đã được Chính phủ và UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận, ngày 27/8/2012, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Quyết định số 8811/QĐ-UBND thu hồi đất của bà Trần Hà G là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 38 và khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai 2003.

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất: Trên cơ sở xét duyệt của UBND tỉnh Bình Dương, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Thông báo số 277/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án là đúng trình tự thủ tục. Ngày 27/10/2011, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã K tổ chức họp công khai dự án tại xã K, bà Trần Hà G không có mặt. Ngày 03/5/2012, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Thông báo số 201/TB-UBND điều chỉnh Thông báo số 277/TB-UBND. Các thông báo về việc thu hồi đất nêu trên không được gửi cho bà Trần Hà G.

Ngày 27/8/2012, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Quyết định số 8811/QĐ-UBND thu hồi của bà Trần Hà G diện tích đất 145m<sup>2</sup> để thực hiện dự án mở rộng đường ĐT 747B. UBND huyện (nay là thị xã) T cho rằng đã gửi thư mời bà G đến nhận quyết định thu hồi đất 02 lần nhưng bà G không đến, do đó UBND huyện (nay là thị xã) T tiến hành niêm yết quyết định thu hồi đất tại trụ sở UBND xã K và văn phòng ấp. Tuy nhiên, UBND huyện (nay là thị xã) T không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thông báo cho bà G về việc thu hồi đất hợp lệ. Đến ngày 09/10/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất UBND thị xã

T mới lập biên bản cung cấp đầy đủ hồ sơ thu hồi đất cho bà Trần Hà G. Như vậy, có căn cứ xác định UBND huyện (nay là thị xã) T đã vi phạm trình tự, thủ tục ban hành quyết định thu hồi đất được quy định tại Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2003.

Tuy nhiên, về nội dung Quyết định số 8811/QĐ-UBND thu hồi đất của bà Trần Hà G để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao M đến điểm giao với đường TB – Công X phục vụ lợi ích công cộng, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương là đúng quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai 2003. Hiện tại dự án cũng đã được thực hiện và đưa vào sử dụng nên việc hủy Quyết định thu hồi đất số 8811/QĐ-UBND là không cần thiết.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 10465/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Quyết định số 10465/QĐ-UBND được UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành ngày 16/10/2012, đến 18/12/2014 Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T mới tiến hành công bố và bàn giao cho bà Trần Hà G (có cha là ông Trần Văn H đại diện nhận). Tại biên bản làm việc ngày 09/3/2017 của Thanh tra tỉnh Bình Dương, đại diện của UBND thị xã T thừa nhận do không đủ kinh phí chi trả tiền bồi thường cho người dân nên UBND huyện (nay là thị xã) T đã không mời bà G lên để bàn giao quyết định và chi trả bồi thường. Việc chậm bàn giao quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất và chậm tiến hành chi trả tiền bồi thường do lỗi của UBND huyện (nay là thị xã) T, được UBND huyện (nay là thị xã) T thừa nhận.

Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đất đai 2003 thì: *“Trường hợp .... a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”*.

Người bị kiện không cung cấp được chứng cứ chứng minh giá đất tại thời điểm năm 2014 thấp hơn thời điểm năm 2012 nhưng vẫn áp dụng giá bồi thường năm 2012 là gây thiệt hại đến quyền lợi của người bị thu hồi đất. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng giá đất năm 2014 và 2012 tương tự nhau nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G về việc hủy quyết định bồi thường song cũng không có chứng cứ chứng minh. Bà G khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 10465/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 5478/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất:

Do trình tự, thủ tục thu hồi đất có vi phạm nên ngày 05/10/2018 Chủ tịch UBND thị xã T ban hành Quyết định số 5478/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất

của bà Trần Hà G là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, như đã nhận định tại mục [2.1], việc thực hiện dự án là nhằm phục vụ lợi ích công cộng, đúng với quy định của Luật đất đai và hiện tại dự án đã đi vào hoàn thiện nên việc hủy quyết định thu hồi đất cũng như quyết định cưỡng chế thu hồi đất không còn cần thiết.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Trần Hà G không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 38, Điều 39 và Điều 44 Luật Đất đai 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2003;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn H – đại diện người khởi kiện. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hà G.

Hủy Quyết định số 10465/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Hà G.

Buộc UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương thực hiện lại việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Hà G khi thu hồi đất thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao M đến điểm giao với đường TB – Công X theo quy định pháp luật.

2/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hà G về việc đề nghị hủy: Quyết định số 8811/QĐ-UBND ngày 27/8/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) T về việc thu hồi đất của bà Trần Hà G và Quyết định số 5478/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Hà G.

3/. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: UBND thị xã T phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Trần Hà G 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0026904 ngày 19/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình

Dương.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn lại cho bà Trần Hà G 300.000 đồng tạm ứng án phí do ông Trần Văn H đại diện nộp theo biên lai thu số 0026995 ngày 04/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- ĐS (3);
- Lưu VP (3), HS (2).13b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thanh Dũng**